

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2026/KDTM-ST

Ngày 31-7-2026

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thu Thủy;

2. Ông Trần Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vương Triều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2026/TLST-KDTM ngày 21 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2026/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2026/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng công ty L-Công ty cổ phần; địa chỉ: C T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng Anh T, sinh năm 1980; địa chỉ: A khu phố A, phường A, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 14/GUQ-LTBT ngày 20/5/2026). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Á (nay là Công ty TNHH C); địa chỉ: T đất số 2823, tờ bản đồ số 12TDH.6, Đường Đ, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức H1 - Chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 18/3/2026, các bản khai trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Tổng công ty L-Công ty cổ phần T:

Ngày 18/4/2023, Công ty L1 là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty L - Công ty cổ phần và Công ty TNHH Á (nay là Công ty TNHH C) ký Hợp đồng mua bán số 14/HĐMB-LTBT/2023. Theo nội dung hợp đồng, Công ty L1 bán gạo cho Công ty TNHH Á theo mẫu hàng hóa do các bên thống nhất; khối lượng dự kiến 30 tấn/tháng, mỗi đơn hàng khoảng 10 tấn/xe. Khi giao hàng, bên bán xuất hóa đơn giá trị gia tăng kèm theo. Từ ngày 01 đến ngày 02 hằng tháng, các bên thực hiện đối chiếu công nợ; từ ngày 15 đến ngày 18 hằng tháng, bên mua có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị hàng hóa của tháng trước bằng hình thức chuyển khoản. Trường hợp chậm thanh toán thì bên mua phải chịu lãi chậm trả với mức 0,036%/ngày trên số tiền và thời gian chậm thanh toán.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty L1 đã giao hàng đúng theo các đơn đặt hàng và xuất hóa đơn đầy đủ cho bên mua. Tuy nhiên, Công ty TNHH Á không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Trong thời gian từ ngày 14/11/2023 đến ngày 15/12/2023, Công ty L1 đã giao 03 đợt hàng với tổng khối lượng 10.900 kg gạo, tổng giá trị 168.950.000 đồng. Công ty TNHH Á mới thanh toán 24.300.000 đồng, còn nợ số tiền 144.650.000 đồng.

Ngày 31/8/2025, các bên lập biên bản đối chiếu công nợ, trong đó Công ty TNHH Á (nay là Công ty TNHH C) xác nhận còn nợ Tổng công ty L - Công ty cổ phần S tiền 144.650.000 đồng nhưng đến nay vẫn không thanh toán, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH C cung cấp suất ăn công nghiệp Vượng Phát thanh toán tổng số tiền 189.283.000 đồng, gồm tiền nợ gốc 144.650.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 21/5/2026 là 44.633.000 đồng

** Bị đơn là Công ty TNHH Á (nay là Công ty TNHH C):*

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án; không nộp văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải cũng như phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH Á (nay là Công ty TNHH C) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ mua hàng theo Hợp đồng mua bán số 14/HĐMB-LTBT/2023 ngày 18/4/2023 là 144.650.000 đồng.

Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, căn cứ thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, xét mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 12,96%/năm không vượt quá mức lãi suất theo quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền lãi của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tổng công ty L - Công ty cổ phần K yêu cầu Công ty TNHH C (trước đây là Công ty TNHH A) thanh toán tiền mua bán hàng hóa còn nợ và tiền lãi do chậm thanh toán phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 14/HĐMB-LTBT/2023 ngày 18/4/2023. Đây là tranh chấp phát sinh từ hoạt động mua bán hàng hóa giữa các thương nhân có đăng ký kinh doanh và đều nhằm mục đích lợi nhuận. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và được điều chỉnh bởi các quy định của Luật Thương mại năm 2005.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh và xác định Công ty TNHH C (trước đây là Công ty TNHH A) không còn hoạt động tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký; nguyên đơn cũng không cung cấp được địa chỉ trụ sở mới của bị đơn hoặc nơi cư trú hiện tại của người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

Do không xác định được địa chỉ của bị đơn để thực hiện việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo thủ tục thông thường, Tòa án đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, gồm: phát thông báo trên Cơ quan thường trú Đ tại Thành phố Hồ Chí Minh trong 03 ngày liên tiếp, từ ngày 19/7/2026 đến ngày 21/7/2026; đăng thông báo trên B trong 03 số liên tiếp các ngày 19, 20 và 21/7/2026; đồng thời đăng tải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án. Hết thời hạn thông báo theo quy định, bị đơn vẫn không liên hệ với Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không tham gia tố tụng.

Do bị đơn không tham gia tố tụng sau khi đã được Tòa án thực hiện việc thông báo, triệu tập theo quy định của pháp luật, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 18/4/2023, Công ty L1 và Công ty TNHH Á (nay là Công ty TNHH C) ký Hợp đồng mua bán số 14/HĐMB-LTBT/2023. Theo xác định của nguyên đơn, Công ty L1 là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty L - Công ty cổ phần. Hợp đồng do Công ty L1 ký kết; các hóa đơn giá trị gia tăng phát hành cho bị đơn thể hiện người bán là Tổng công ty L - Công ty cổ phần, đơn vị bán hàng là Công ty L1. Các tài liệu này phù hợp với xác định của nguyên đơn về quyền yêu cầu bị đơn thanh toán khoản công nợ phát sinh từ hợp đồng.

Hợp đồng được các bên giao kết tự nguyện, chủ thể ký kết có thẩm quyền, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ các phiếu giao hàng, hóa đơn giá trị gia tăng và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/8/2025, có đủ cơ sở xác định bên bán đã giao cho bị đơn 03 đợt hàng, tổng khối lượng 10.900 kg gạo, trị giá 168.950.000 đồng; bị đơn đã thanh toán 24.300.000 đồng, còn nợ 144.650.000 đồng. Tại T1 xác nhận phải thu của khách hàng (TK131) ngày 31/8/2025 do Công ty L1 và Công ty TNHH Á ký xác nhận, bị đơn xác nhận còn nợ số tiền này.

Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, vi phạm nghĩa vụ của bên mua theo Điều 50 Luật Thương mại năm 2005. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán 144.650.000 đồng tiền nợ gốc là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

Theo mục 6 Điều 3 Hợp đồng mua bán số 14/HĐMB-LTBT/2023 ngày 18/4/2023, các bên thỏa thuận trường hợp bên mua để nợ quá hạn thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả với mức 0,036%/ngày tương ứng với thời gian chậm trả, nhưng không quá 07 ngày kể từ ngày đến hạn. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng nên phải chịu lãi chậm trả.

Theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, lãi do chậm thanh toán được xác định theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 hàng V, V1 và A tại thời điểm xét xử là 14,4%/năm. Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 0,036%/ngày, tương đương 12,96%/năm, thấp hơn mức lãi suất nêu trên và có lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả đến ngày 21/5/2026 với số tiền 44.633.000 đồng. Xét mức lãi suất và số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu không vượt quá mức lãi suất theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, có lợi cho bị đơn và bị đơn không có ý kiến phản đối, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi chậm trả nêu trên.

[3] Về chi phí tố tụng (chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng): Tổng công ty L - Công ty cổ phần P chịu số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp.

[4] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố

Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH C (trước đây là Công ty TNHH A) phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 24, 50 và 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty L - Công ty cổ phần.

Buộc Công ty TNHH C (trước đây là Công ty TNHH A) thanh toán cho Tổng công ty L - Công ty cổ phần T tiền 189.283.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu hai trăm tám mươi ba nghìn đồng), gồm:

Tiền nợ gốc: 144.650.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng);

Tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày 21/5/2026: 44.633.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong khoản tiền nợ gốc, Công ty TNHH C cung cấp suất ăn công nghiệp Vượng P còn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất được xác định theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH C phải chịu 9.464.150 đồng (Chín triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm năm mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Tổng công ty L - Công ty cổ phần số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.564.125 đồng (Bốn triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022682 ngày 10/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về chi phí tố tụng:

Tổng công ty L - Công ty cổ phần phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp.

4. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định/bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16, TP. HCM;
- Phòng THADS khu vực 16, TP. HCM;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thắm